

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần tám ngày 06/01/2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt: TTE.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 thay đổi lần thứ tám ngày 06/01/2021, vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán là TTE.

Trụ sở chính: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Xuân Hoàng
Ông Nguyễn Ngọc Tường
Ông Lê Văn Khoa
Ông Nguyễn Văn Quân
Ông Trần Văn Hải
Bà Lê Thị Thu Hương
Ông Phạm Văn Lợi
Ông Trần Quang Chung

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên
Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/01/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Minh Sang
Ông Lê Nhất Xuân Minh
Bà Lê Thị Hạnh
Ông Lê Quốc Anh

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/02/2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quân
Ông Trần Quang Chung
Ông Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/01/2021)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 30, 31 tháng 3 năm 2021, Công ty đã trình hồ sơ lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh thời gian thực hiện các dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1, Nhà máy thủy điện Đăk Pia và Nhà máy Thủy điện Đăk Ne từ 30 năm thành 50 năm. Trên cơ sở Báo cáo tiền khả thi được Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum chấp thuận, Công ty tin tưởng rằng các dự án Nhà máy Thủy điện sẽ được gia hạn tăng thời gian thực hiện. Do đó, tại Báo cáo này, Công ty đã thực hiện phân loại lại Tài sản cố định hữu hình và điều chỉnh lại mức khấu hao của nhà máy Đăk Bla 1.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các vấn đề nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 29 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 29 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 7.03, năm 2020, Công ty chưa thực hiện lập “Hồ sơ xác định giá trị giao dịch liên kết” theo hướng dẫn tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Việc xác định nghĩa vụ thuế này của Công ty phụ thuộc kết quả kiểm tra quyết toán Thuế của Cơ quan Thuế.

Như đã trình bày tại thuyết minh 7.04, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, phân loại lại tài sản cố định hữu hình, điều chỉnh mức khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này khiến chỉ tiêu hao mòn lũy kế đến 01/01/2020 tăng lên 627.921.012 VND, số dư đầu kỳ của chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 giảm giá trị tương ứng. Như vậy, thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được trình bày lại theo số điều chỉnh hồi tố.

Năm 2019 trở về trước, Công ty đang ghi nhận doanh thu, giá vốn bao gồm cả các khoản thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và quyền khai thác tài nguyên nước. Năm 2020 Công ty ghi nhận doanh thu, giá vốn không bao gồm các khoản thuế phí trên, đồng thời số so sánh năm 2019 cũng được điều chỉnh ghi giảm doanh thu, giá vốn tương ứng với khoản thuế, phí đã ghi nhận 20.427.675.583 đồng. Việc điều chỉnh này không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cho năm 2020 cũng như năm 2019 trở về trước (Thuyết minh 7.03).

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Trần Thị Ninh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4547-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.848.806.445	79.452.377.521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	17.580.828.180	48.649.584.036
1. Tiền	111		17.580.828.180	48.649.584.036
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.439.383.611	29.904.108.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	25.844.200.635	25.749.350.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	1.083.905.455	1.240.263.373
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	35.511.277.521	2.914.494.648
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		828.594.654	898.685.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.04	828.594.654	898.685.195
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		864.409.924.381	921.476.325.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		600.183.000	2.701.629.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	600.183.000	2.701.629.000
II. Tài sản cố định	220	5.06	861.119.468.523	915.785.381.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221		861.119.468.523	915.785.381.189
- Nguyên giá	222		1.145.900.595.929	1.145.050.305.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(284.781.127.406)	(229.264.923.831)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.690.272.858	2.989.315.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.04	2.094.672.968	2.284.597.864
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	595.599.890	704.717.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		945.258.730.826	1.000.928.703.001

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

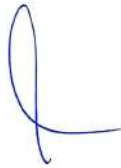
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		674.698.737.218	681.012.154.639
I. Nợ ngắn hạn	310		149.030.914.898	96.618.154.639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	1.326.129.173	2.830.595.159
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	16.027.229.048	22.304.483.782
3. Phải trả người lao động	314		705.995.177	1.840.411.935
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	3.899.807.473	6.731.967.786
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	6.973.983.257	400.079.076
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	119.435.853.869	61.500.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		661.916.901	1.010.616.901
II. Nợ dài hạn	330		525.667.822.320	584.394.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	523.494.000.000	584.394.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.173.822.320	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.559.993.609	319.916.548.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	270.559.993.609	319.916.548.362
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.518.316.880)	31.430.349.871
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		14.777.147.909	10.077.326.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(32.295.464.789)	21.353.023.845
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.174.310.489	3.582.198.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		945.258.730.826	1.000.928.703.001

Kon Tum, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

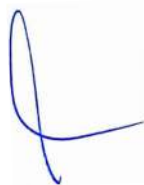
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	112.924.336.282	158.242.603.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		112.924.336.282	158.242.603.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	66.461.033.369	60.158.128.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.463.302.913	98.084.475.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	43.573.254	46.267.741
7. Chi phí tài chính	22	6.04	71.057.159.203	75.790.353.906
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>71.057.159.203</i>	<i>75.790.353.906</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	4.647.834.505	6.672.272.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.198.117.541)	15.668.116.296
11. Thu nhập khác	31		33.685.035	14.234.762.412
12. Chi phí khác	32		1.374.098.742	16.615.106.923
13. Lợi nhuận khác	40	6.06	(1.340.413.707)	(2.380.344.511)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.538.531.248)	13.287.771.785
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	-	1.532.680.574
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.08	2.173.822.320	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(32.712.353.568)	11.755.091.211
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		(32.295.464.789)	11.736.413.765
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(416.888.779)	18.677.446
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(1.134)	370

Kon Tum, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(30.538.531.248)	13.287.771.785
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	55.516.203.575	52.306.368.084
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(43.573.254)	737.804.759
- Chi phí lãi vay	06	71.057.159.203	75.790.353.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	95.991.258.276	142.122.298.534
- Tăng các khoản phải thu	09	(72.436.476.321)	3.629.687.419
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	33.970.769.678	(6.042.440.100)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	260.015.437	(562.300.876)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(66.999.479.770)	(71.110.191.676)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(432.239.370)	(1.657.438.493)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(348.700.000)	70.477.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.994.852.070)	66.450.092.408
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(850.290.909)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	840.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.573.254	46.267.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(806.717.655)	886.267.741
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.155.587.822	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.119.733.953)	(46.900.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.303.040.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.267.186.131)	(46.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(31.068.755.856)	20.436.360.149
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.649.584.036	28.213.223.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.580.828.180	48.649.584.036

Kon Tum, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 06/01/2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY; Tên viết tắt: TTE.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp thay đổi lần thứ tám ngày 06/01/2021, vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết trên sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán là TTE.

Công ty đang quản lý và vận hành 04 dự án nhà máy thủy điện, cụ thể:

Công ty Cổ phần đầu tư và Năng lượng Trường Thịnh quản lý và vận hành 02 dự án nhà máy:

- Nhà máy thủy điện Đăk Ne hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/4/2008; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 3 ngày 25/6/2019, quy mô công suất 8,1 MW, thời hạn thực hiện dự án: 30 năm (ba mươi năm) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
- Nhà máy thủy điện Tà Vi hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21/CN-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/5/2009, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 ngày 31/12/2019 với mã số dự án: 5200631540. Công suất thiết kế 3 MW, thời gian thực hiện dự án 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Công ty TNHH Trung Việt quản lý và vận hành 02 dự án nhà máy:

- Nhà máy thủy điện Đăk Pia hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000025 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 03/6/2009; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 1 ngày 16/01/2012, quy mô công suất 2,2 MW, thời hạn thực hiện dự án: 30 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
- Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/8/2012, thay đổi lần thứ 1 ngày 14/01/2014, công suất thiết kế 15 MW, thời gian thực hiện dự án 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Số lao động bình quân của Công ty năm 2020 là 103 người (năm 2019 là 111 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và bán điện từ hoạt động của các Nhà máy thủy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ tháng 3 năm 2020, Nhà máy thủy điện Sông Hinh đi vào hoạt động và đã chặn dòng tích nước, làm giảm lưu lượng dòng chảy vào Nhà máy thủy điện Đăk Ne dẫn đến công suất hoạt động của nhà máy giảm.

Năm 2020, do thời tiết khắc nghiệt, lượng mưa ít nên nhà máy Tà Vi không đủ nước để hoạt động theo công suất.

Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 hoạt động phụ thuộc vào lưu lượng nước, Nhà máy Đăk Pia hoạt động theo cơ chế sử dụng áp lực nước. Năm 2020, do thời tiết khắc nghiệt, lượng mưa ít nên Nhà máy Đăk Bla 1 không đủ nước để hoạt động dẫn đến doanh thu nhà máy sụt giảm đáng kể so với năm trước. Hoạt động của Nhà máy Đăk Pia không bị ảnh hưởng bởi yếu tố này nên doanh thu ổn định. Doanh thu từ Nhà máy Đăk Bla 1 bị giảm đáng kể so với năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ do giá vốn của Công ty chủ yếu là chi phí cố định.

Các vấn đề trên đã làm cho doanh thu hợp nhất năm 2020 của Công ty giảm đáng kể (29%) so với năm trước và kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có Công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty TNHH Trung Việt	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%	98%
Đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện		
Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng			

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo quy định của Nhà nước

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu chi tiết theo công trình và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian phân bổ ban đầu.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo nội dung chi phí chính là lãi vay phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay (Tiếp theo)

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời, các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận trên cơ sở Biên bản xác nhận chỉ số công tơ, điện năng của từng nhà máy và đơn giá bán theo quy định của Bộ Công thương.

Doanh thu hoạt động tài chính

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

NI C
CÓN
T
KIỂM
PAI
S H

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn sản phẩm điện bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và các chi phí khác được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm.

Đối với chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm mà được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được ưu đãi về Thuế TNDN đối với dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Cụ thể:

+ Nhà máy Thủy điện Đăk Ne: Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty CP Thủy điện Đăk Ne) được tách ra từ Công ty CP Tấn Phát và Nhà máy thủy điện Đăk Ne, sau đó bàn giao lại cho Công ty CP Thủy điện Đăk Ne vận hành. Theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ Nhà máy thủy điện ĐăkNe được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty Cổ phần Tấn Phát, cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014 (năm 2020 là năm thứ 7)
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Năm 2020 là năm thứ 7 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động của Nhà máy thủy điện Đăk Ne.

+ Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1: Công ty được ưu đãi về Thuế TNDN đối với dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2012, thay đổi lần 01 ngày 14 tháng 01 năm 2014. Dự án này nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm (năm 2020 là năm thứ 03 được miễn thuế), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Năm 2020, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành 10% đối với thu nhập từ hoạt động của Nhà máy thủy điện Đăk Ne đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp, miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B09-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	33.086.353	62.446.331
Tiền gửi ngân hàng	17.547.741.827	48.587.137.705
Cộng	17.580.828.180	48.649.584.036

5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	25.844.200.635	24.909.350.269
Ông Nguyễn Ngọc Trung	-	840.000.000
Cộng	25.844.200.635	25.749.350.269

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hợp tác xã vận tải cơ giới Quyết Tiến	-	71.024.000
Trung tâm thông tin - Kinh tế tài nguyên nước	132.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	181.028.000	-
Công ty TNHH Sóng ngầm	-	235.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	57.750.000	57.750.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng CLC	422.266.550	-
Trả trước các đối tượng khác	290.860.905	876.489.373
Cộng	1.083.905.455	1.240.263.373

5.04 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	828.594.654	898.685.195
Chi phí thuê văn phòng	64.472.728	105.000.000
Chi phí bảo hiểm	764.121.926	793.685.195
Chi phí trả trước dài hạn	2.094.672.968	2.284.597.864
Công cụ dụng cụ	151.318.573	158.643.224
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.050.702.228	1.484.137.715
Chi phí phân bổ khác	892.652.167	641.816.925
Cộng	2.923.267.622	3.183.283.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.05 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	35.511.277.521	-	2.914.494.648	-
Phải thu tạm ứng (*)	35.511.277.521	-	2.914.494.648	-
Ông Hồ Thanh Tiến	12.112.651.790	-	244.928.690	-
Ông Hoàng Hữu Điền	1.730.564.607	-	142.658.607	-
Ông Trịnh Đức Hải	1.500.000.000	-	-	-
Ông Vũ Hoài Sơn	12.911.000.000	-	-	-
Ông Trần Quang Chung	301.918.900	-	13.000.000	-
Ông Hoàng Việt Đồng	2.301.020.000	-	1.020.000	-
Ông Nguyễn Trọng Khải	2.550.000.001	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Quân	139.788.000	-	152.237.200	-
Ông Lê Văn Khoa	52.108.621	-	952.108.621	-
Các đối tượng tạm ứng khác	1.912.225.602	-	1.408.541.530	-
Dài hạn	600.183.000	-	2.701.629.000	-
Ký quỹ, ký cược	217.033.000	-	217.033.000	-
Tạm ứng	383.150.000	-	2.484.596.000	-
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu	19.000.000	-	9.500.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Huyền	-	-	29.000.000	-
Ông Hồ Thanh Tiến	35.450.000	-	1.950.190.000	-
Ông Võ Quốc Vương	-	-	12.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	-	-	483.906.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Long	119.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	23.500.000	-	-	-
Ông Trần Quang Chung	186.200.000	-	-	-
Cộng	36.111.460.521	-	5.616.123.648	-
Trong đó phải thu bên liên quan				
Tạm ứng ngắn hạn	2.224.380.128	-	1.260.004.428	-
Ông Nguyễn Văn Quân	139.788.000	-	152.237.200	-
Ông Trần Quang Chung	301.918.900	-	13.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	1.730.564.607	-	142.658.607	-
Ông Lê Văn Khoa	52.108.621	-	952.108.621	-
Tạm ứng dài hạn	186.200.000	-	483.906.000	-
Ông Trần Quang Chung	186.200.000	-	-	-
Ông Hoàng Hữu Điền	-	-	483.906.000	-

Chi tiết tại Thuyết minh 7.01

(*) Khoản tạm ứng các cá nhân để triển khai thực hiện dự án Điện mặt trời theo Quyết định phê duyệt Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.06 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	845.688.285.352	294.083.305.683	5.155.402.893	123.311.092	1.145.050.305.020
Tăng trong năm	-	548.790.909	301.500.000	-	850.290.909
Mua trong năm	-	548.790.909	301.500.000	-	850.290.909
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	845.688.285.352	294.632.096.592	5.456.902.893	123.311.092	1.145.900.595.929
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	151.735.497.416	75.103.140.126	2.302.975.197	123.311.092	229.264.923.831
Tăng trong năm	37.881.491.937	16.855.198.070	779.513.568	-	55.516.203.575
Khấu hao trong năm	37.881.491.937	16.855.198.070	779.513.568	-	55.516.203.575
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	189.616.989.353	91.958.338.196	3.082.488.765	123.311.092	284.781.127.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	693.952.787.936	218.980.165.557	2.852.427.696	-	915.785.381.189
Tại ngày 31/12/2020	656.071.295.999	202.673.758.396	2.374.414.128	-	861.119.468.523

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2020 đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 436.827.541 VND (tại ngày 31/12/2019 là 436.827.541 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 5.12, Công ty đang thế chấp toàn bộ giá trị của 4 nhà máy thủy điện cho các khoản vay, giá trị còn lại của TSCĐ dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2020 là 858.092.484.808 VND. (Tại ngày 31/12/2019 là 912.761.987.943 VND).

Công ty thực hiện phân loại lại Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm đầu năm, các tài sản được phân loại lại có mức khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.07 Lợi thế thương mại**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi thế thương mại	595.599.890	704.717.427
Cộng	595.599.890	704.717.427

5.08 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn xây dựng năng lượng tái tạo	1.536.000	1.536.000	41.536.000	41.536.000
Công ty cổ phần Tấn Phát	200.000.000	200.000.000	2.006.870.545	2.006.870.545
Công ty CP Tư vấn và Xây lắp Miền Trung	162.260.000	162.260.000	-	-
Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Ông Nguyễn Văn Khánh	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Đo đạc và bản đồ HNT	36.818.182	36.818.182	36.818.182	36.818.182
Các đối tượng khác	288.343.173	288.343.173	108.198.614	108.198.614
Cộng	1.326.129.173	1.326.129.173	2.830.595.159	2.830.595.159

5.09 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm (**)	31/12/2020 VND
Phải nộp	22.304.483.782	28.139.665.286	34.416.920.020	16.027.229.048
Thuế giá trị gia tăng	10.693.445.277	12.089.281.483	15.906.137.133	6.876.589.627
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.676.586.532	38.223.000	882.278.185	832.531.347
Thuế thu nhập cá nhân (*)	36.033.303	846.051.943	69.592.589	812.492.657
Thuế tài nguyên	5.965.176.115	9.155.774.677	9.005.368.431	6.115.582.361
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.933.242.555	6.004.334.183	8.547.543.682	1.390.033.056
Cộng	22.304.483.782	28.139.665.286	34.416.920.020	16.027.229.048

(*) Năm 2020, Công ty con đã được Cục thuế tỉnh Kon Tum kiểm tra Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. Công ty đã điều chỉnh và thực hiện các nghĩa vụ thuế theo Quyết định số 1151/QĐ-CT ngày 21/10/2020. Trong đó:

Truy thu Thuế thu nhập cá nhân số tiền: 2.835.200 VND;

Truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền: 38.223.000 VND.

(**) Công ty con điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2019 số tiền 450.038.815 VND do bù trừ lãi, lỗ giữa hai nhà máy Đăk Bla 1 và Đăk Pia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	1.764.888.889	5.161.684.828
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.566.760.667	1.570.282.958
Chi phí lãi vay phải trả cá nhân	568.157.917	-
Cộng	<u>3.899.807.473</u>	<u>6.731.967.786</u>

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	18.318.232	91.369.284
Bảo hiểm y tế	-	13.710.247
Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.117.266
Chi phí lãi vay ngân hàng	6.889.839.746	-
Phải trả, phải nộp khác	50.703.538	272.760.538
Cộng	<u>6.973.983.257</u>	<u>400.079.076</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng	119.435.853.869	119.435.853.869	101.055.587.822	43.119.733.953	61.500.000.000	61.500.000.000
(Nợ dài hạn đến hạn trả)						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	9.432.803.659	9.432.803.659	7.300.587.822	6.667.784.163	8.800.000.000	8.800.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	41.248.050.210	41.248.050.210	29.500.000.000	19.251.949.790	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	28.600.000.000	28.600.000.000	24.100.000.000	17.200.000.000	21.700.000.000	21.700.000.000
Vay cá nhân (iv)	40.155.000.000	40.155.000.000	40.155.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	523.494.000.000	523.494.000.000	-	60.900.000.000	584.394.000.000	584.394.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	76.794.000.000	76.794.000.000	-	7.300.000.000	84.094.000.000	84.094.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	314.000.000.000	314.000.000.000	-	29.500.000.000	343.500.000.000	343.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	132.700.000.000	132.700.000.000	-	24.100.000.000	156.800.000.000	156.800.000.000
Cộng	642.929.853.869	642.929.853.869	101.055.587.822	104.019.733.953	645.894.000.000	645.894.000.000

(i) Khoản vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV -300900523 ngày 12 tháng 6 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đắk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau) của Ngân hàng NN và PTNT - CN Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đắk Pia.

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐHTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vín. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc.

(ii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma thuật (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15/5/2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/5/2029, mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đak Bla1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHDH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đak Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đak Bla (Thuyết minh 5.01). Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đak Bla 1. Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện, Quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

(iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTĐH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐăkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể.

Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐăkNe để thế chấp cho khoản vay này.

(iv) Khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay:

- Hợp đồng số: 14/2020/HĐVVT-TV-VH ngày 05 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.700.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 05/2020/HĐVVT-TV-LTK ngày 01 tháng 4 năm 2020, số tiền: 4.000.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 15/2020/HĐVVT-TV-XL ngày 05 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.500.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 09/2020/HĐVVT-TV-NTKL ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 6.000.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 16/2020/HĐVVT-TV-BT ngày 05 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.255.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 08/2020/HĐVVT-TV-QT ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 3.000.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 01/2020/HĐVVT-TV-LTH ngày 01 tháng 4 năm 2020, số tiền: 2.000.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 10/2020/HĐVVT-TV-NT ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 3.500.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 12/2020/HĐVVT-TV-NH ngày 04 tháng 4 năm 2020, số tiền: 2.200.000.000 VND;
- Hợp đồng số: 20/2020/HĐVVT-TV-NTKL ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tiền 15.000.000.000 VND (lãi suất 3%/năm thanh toán 1 lần khi đáo hạn. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính cho toàn bộ khoản mượn và tính từ ngày 01/01/2021).

Các khoản mượn tiền cá nhân này sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép, lãi suất 3%/năm thanh toán 1 lần khi đáo hạn. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính cho toàn bộ khoản mượn và tính từ ngày nhận khoản tiền mượn đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.13. Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	284.904.000.000	21.494.907.609	3.801.739.092	310.200.646.701
Tăng trong năm	-	11.736.413.765	18.677.446	11.755.091.211
Lãi trong năm trước	-	11.736.413.765	18.677.446	11.755.091.211
Giảm trong năm	-	(1.800.971.503)	(238.218.047)	(2.039.189.550)
Trích lập các quỹ	-	(1.186.381.583)	(16.086.955)	(1.202.468.538)
Chia cổ tức	-	-	(208.800.000)	(208.800.000)
Giảm khác (*)	-	(614.589.920)	(13.331.092)	(627.921.012)
Số dư tại 31/12/2019	<u>284.904.000.000</u>	<u>31.430.349.871</u>	<u>3.582.198.491</u>	<u>319.916.548.362</u>
Số dư tại 01/01/2020	284.904.000.000	31.430.349.871	3.582.198.491	319.916.548.362
Tăng trong năm	-	(31.854.426.751)	(407.888.002)	(32.262.314.753)
Lỗ trong năm nay	-	(32.295.464.789)	(416.888.779)	(32.712.353.568)
Tăng khác (**)	-	441.038.038	9.000.777	450.038.815
Giảm trong năm	-	(17.094.240.000)	-	(17.094.240.000)
Chia cổ tức (***)	-	(17.094.240.000)	-	(17.094.240.000)
Số dư tại 31/12/2020	<u>284.904.000.000</u>	<u>(17.518.316.880)</u>	<u>3.174.310.489</u>	<u>270.559.993.609</u>

(*) Giảm lợi nhuận do phân loại lại Tài sản cố định hữu hình dẫn đến giảm lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2019.

(**) Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019 do bù trừ lãi, lỗ giữa hai Nhà máy Đăk Bla 1 và Đăk Pia;

(***) Trong năm Công ty có thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2018 theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lê Minh Đôn	12.520.300.000	1.000.000
Lê Thị Hạnh	12.500.000.000	12.500.000.000
Lê Tuấn Điệp	13.003.000.000	13.003.000.000
Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000
Nguyễn Thị Kim Dung	13.768.810.000	13.768.810.000
Nguyễn Việt Anh	13.900.000.000	13.900.000.000
Nguyễn Vĩnh Huy	13.532.000.000	13.532.000.000
Phương Thừa Vũ	12.500.000.000	12.500.000.000
Trần Văn Hải	12.500.000.000	12.500.000.000
Vũ Thị Quỳnh	13.467.000.000	13.467.000.000
Đình Xuân Hoàng	13.077.190.000	13.077.190.000
Đào Thị Phương Mai	13.950.000.000	13.950.000.000
Công ty CP Đầu tư & Thương mại XNK	13.500.000.000	13.500.000.000
HFC Việt Nam		
Cổ đông khác	113.010.700.000	125.530.000.000
Cộng	284.904.000.000	284.904.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	17.094.240.000	1.186.381.583

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện	112.924.336.282	158.242.603.770
Cộng	112.924.336.282	158.242.603.770

6.02 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán điện	66.461.033.369	60.158.128.485
Cộng	66.461.033.369	60.158.128.485

(*) Khoản mục Doanh thu, Giá vốn năm 2019 đã được điều chỉnh hồi tố do sai sót (chi tiết tại Thuyết minh 7.04).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	43.573.254	46.267.741
Cộng	43.573.254	46.267.741

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	71.057.159.203	75.790.353.906
Cộng	71.057.159.203	75.790.353.906

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.828.588.215	3.532.546.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.831.456	76.713.382
Chi phí khấu hao TSCĐ	188.531.820	393.874.320
Thuế phí và lệ phí	40.309.353	41.759.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	692.314.522	463.682.199
Chi phí bằng tiền khác	866.259.139	2.163.696.780
Cộng	4.647.834.505	6.672.272.824

6.06 Lợi nhuận/lỗ khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác	33.685.035	14.234.762.412
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	763.636.364
Giá trị bồi thường tài sản tổn thất	-	13.470.658.498
Xử lý công nợ	24.837.536	-
Thu nhập khác	8.847.499	467.550
Chi phí khác	1.374.098.742	16.615.106.923
Giá trị còn lại của tài sản ghi giảm	-	1.624.072.500
Giá trị khối lượng hoàn thành phần khắc phục sửa chữa nhà máy	-	14.623.671.405
Xử lý công nợ	930.288.524	5.666.703
Chi phí khác	443.810.218	361.696.315
Lợi nhuận khác	(1.340.413.707)	(2.380.344.511)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.538.531.248)	13.287.771.785
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	1.483.216.279	367.363.018
Các khoản điều chỉnh giảm của năm nay	109.117.537	109.117.537
Thu nhập chịu thuế	(28.946.197.432)	13.764.252.340
Thuế TNDN phải nộp	-	1.532.680.574
Thuế TNDN phải nộp 10%	-	1.364.707.024
Thuế TNDN phải nộp 20%	-	879.096.918
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(711.123.368)
Thuế TNDN phải nộp	-	1.532.680.574

6.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.173.822.320	-
Cộng	2.173.822.320	-

6.09 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	7.769.388	76.713.382
Chi phí nhân công	7.816.974.414	7.623.513.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	55.444.278.935	52.248.828.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.741.313.784	2.521.618.033
Chi phí khác	4.098.531.353	4.359.727.952
Cộng	71.108.867.874	66.830.401.309

(*) Khấu hao trong năm bao gồm 30.888.674.452 VND là chi phí khấu hao được trừ và 71.924.640 VND là chi phí khấu hao không được trừ khi tính thuế TNDN, do phần chênh lệch giữa báo cáo quyết toán xây dựng hoàn thành và phần ghi nhận chi phí hoàn thành của nhà máy thủy điện Đắk Blá 1.

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông kiểm soát (VND)	(32.295.464.789)	11.736.413.765
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	1.186.381.583
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(32.295.464.789)	10.550.032.182
Số bình quân gia quyền của Cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.134)	370

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****7. THÔNG TIN KHÁC****7.01 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

	Quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tạm ứng			
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	7.733.551.000	13.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	36.466.906.000	142.500.000
Hoàn ứng			
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	7.258.432.100	-
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	12.449.200	
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	35.362.906.000	17.695.880

Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2020

	Quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu tạm ứng ngắn hạn			
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	301.918.900	13.000.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	139.788.000	152.237.200
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	1.730.564.607	142.658.607
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)	52.108.621	952.108.621
Phải thu tạm ứng dài hạn			
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	186.200.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	-	483.906.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****7.02 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm, bao gồm:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	120.000.000	70.000.000
Ông Trần Quang Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/01/2021)	120.000.000	173.186.000
Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	18.625.000	57.000.000
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên	24.630.375	12.000.000
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên	-	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	-	10.500.000
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên	11.300.000	-
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	60.000.000	39.000.000
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên	-	10.500.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên độc lập	52.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên độc lập	52.000.000	-
Cộng		458.555.375	381.186.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban Kiểm soát	84.000.000	54.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên ((Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)	-	24.000.000
Ông Lê Quốc Anh	Thành viên	31.200.000	-
Cộng		151.200.000	102.000.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	-	180.000.000
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	120.000.000	-
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/02/2020)	-	222.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Kế toán trưởng)	396.000.000	192.000.000
Bà Nguyễn Thị Như Hoa	Người được ủy quyền công bố thông tin	60.000.000	54.000.000
Cộng		576.000.000	648.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****7.02 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.580.828.180	48.649.584.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.955.661.156	31.365.473.917
Tổng cộng	79.536.489.336	80.015.057.953
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	642.929.853.869	645.894.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.300.112.430	3.230.674.235
Chi phí phải trả	3.899.807.473	6.731.967.786
Tổng cộng	655.129.773.772	655.856.642.021

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch ngoại tệ nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái nhưng có thể bị ảnh hưởng khi giá cả hàng hóa và lãi suất có biến động.

Quản lý rủi ro về giá hàng hoá

Chi phí nhân công chiếm tỷ lệ hơn 12% giá thành sản xuất, chi phí nguyên vật liệu đầu vào không đáng kể. Giá thành chủ yếu gồm chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài. Do đó kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi về giá của các nguyên vật liệu, hàng hoá dịch vụ đầu vào.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty trong năm không phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ nên Công ty sẽ không gặp rủi ro khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các cá nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 68%/Tổng Tài sản của Công ty. Do đó Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****7.02 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2020		
	Không quá 01 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.580.828.180	-	17.580.828.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.355.478.156	600.183.000	61.955.661.156
Cộng	78.936.306.336	600.183.000	79.536.489.336
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	119.435.853.869	523.494.000.000	642.929.853.869
Phải trả người bán và phải trả khác	8.300.112.430	-	8.300.112.430
Chi phí phải trả	3.899.807.473	-	3.899.807.473
Cộng	131.635.773.772	523.494.000.000	655.129.773.772
Chênh lệch thanh khoản thuần	(52.699.467.436)	(522.893.817.000)	(575.593.284.436)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN****7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****7.03 Thông tin khác**

Năm 2020, Công ty chưa thực hiện lập “Hồ sơ xác định giá trị giao dịch liên kết” theo hướng dẫn tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Việc xác định nghĩa vụ thuế này của Công ty phụ thuộc kết quả kiểm tra quyết toán Thuế của Cơ quan Thuế.

7.04 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được điều chỉnh do sai sót kế toán, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Mã số TM	Số liệu năm 2019 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu năm 2019 sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1.	Tài sản cố định hữu hình	5.06	916.413.302.201	(627.921.012)	915.785.381.189
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	5.06	(228.637.002.819)	(627.921.012)	(229.264.923.831)
3.	Tổng tài sản		1.001.556.624.013	(627.921.012)	1.000.928.703.001
3.	Vốn chủ sở hữu	5.13	320.544.469.374	(627.921.012)	319.916.548.362
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.044.939.791	(614.589.920)	31.430.349.871
5.	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế cuối kỳ này</i>		<i>21.967.613.764</i>	<i>(614.589.919)</i>	<i>21.353.023.845</i>
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.595.529.583	(13.331.092)	3.582.198.491
7.	Tổng nguồn vốn		1.001.556.624.013	(627.921.012)	1.000.928.703.001
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.01	178.670.279.353	(20.427.675.583)	158.242.603.770
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		178.670.279.353	(20.427.675.583)	158.242.603.770
3.	Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.02	80.585.804.068	(20.427.675.583)	60.158.128.485

21/9/20
 21-VN
 AN
 NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

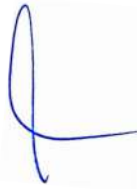
7.04 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Công ty thực hiện phân loại lại Tài sản cố định hữu hình số đầu kỳ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và tính khấu hao tài sản cố định. Điều này làm ảnh hưởng đến Bảng Cân đối kế toán hợp nhất chỉ tiêu hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2019 tăng lên 627.921.012 đồng, Vốn chủ sở hữu giảm 627.921.012 đồng, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 627.921.012 đồng.

(*) Điều chỉnh ghi giảm doanh thu, giá vốn tương ứng với các khoản thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và quyền khai thác tài nguyên nước đã ghi nhận là 20.427.675.583 đồng.

Kon Tum, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

